|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 46/2019/NQ-HĐND | *Kon Tum, ngày 09 tháng 12 năm 2019* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí,**

 **chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài,**

**chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách**

**trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;*

*Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu, thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Bổ sung “Mục III. Thanh toán tiền chi phí đi lại” vào phần A; “Mục III. Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị” vào phần B của Phụ lục số 01.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1.Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu quốc hội;- Bộ Tư pháp *(Cục kiểm tra văn bản pháp luật)*;- Bộ Tài chính*;*- Thường trực Tỉnh uỷ;- Thường trực HĐND tỉnh;- Ủy ban nhân dân tỉnh; - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;- Các ban HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Văn phòng HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;- Văn phòng HĐND tỉnh;- Văn phòng UBND tỉnh;- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Báo Kon Tum;- Đài PT-TH tỉnh;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT, CTHĐ. | **CHỦ TỊCH****Đã ký****Nguyễn Văn Hùng** |

**PHỤ LỤC**

**CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ, CHẾ ĐỘ CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI Kỳ họp thứ 9)*

| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức chi** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ** |  |
| **III** | **Thanh toán tiền chi phí đi lại** |  |
| 1 | Thanh toán theo hóa đơn thực tế | Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 5, Thông tư số [40/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-40-2017-tt-btc-cong-tac-phi-chi-hoi-nghi-doi-voi-co-quan-nha-nuoc-su-nghiep-cong-lap-327960.aspx) ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 2 | Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác |  |
| a | Đối với các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác nhưng thực hiện việc khoán kinh phí | Mức thanh toán khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. |
| b | Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình  | Được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. |
|  **B** | **CHẾ ĐỘ CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ** |  |
| **III** | **Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị** |  |
| **1** | **Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên** | Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| **2** | **Chi thù lao cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị** |  |
| a | Đối với hội nghị cấp tỉnh | 700.000 đồng/báo cáo |
| b | Đối với hội nghị cấp huyện | 500.000 đồng/báo cáo |
| c | Đối với hội nghị cấp xã | 300.000 đồng/báo cáo |